



BẢN TIN

KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

9 tháng đầu năm 2025



Yếu tố bất ổn địa chính trị, biến động tỷ giá, và công nghệ tài chính là các biến số quan trọng với chính sách tiền tệ toàn cầu giai đoạn cuối 2025

Các nền kinh tế đang chuyển từ giai đoạn phục hồi về “tăng trưởng ổn định nhưng thấp”

Kinh tế trong nước duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ, quý sau cao hơn quý trước, với lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý

Lợi nhuận ngân hàng có sự phân hóa nhưng nhìn chung tích cực, với nhiều ngân hàng đạt mức tăng trưởng cao

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33



HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM
VIETNAM BANK'S ASSOCIATION

THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

QUÝ III/2025

NHỮNG THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế trong nước:

- Kinh tế trong nước duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ, quý sau cao hơn quý trước, với lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý;
- Lợi nhuận ngân hàng có sự phân hóa nhưng nhìn chung tích cực, với nhiều ngân hàng đạt mức tăng trưởng cao;
- Ba quý đầu năm ghi nhận kết quả nổi bật trong chuyển đổi số hoạt động ngân hàng;
- Ngành sản xuất của Việt Nam đang duy trì đà cải thiện nhẹ trong quý III/2025;
- Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 9 tháng đạt 52,31 tỷ USD. Sản lượng thủy sản quý III/2025 ước đạt 2.710,9 nghìn tấn, tăng 3,3%.

Kinh tế thế giới:

- Dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 là 3% (IMF);
- Yếu tố bất ổn địa chính trị, biến động tỷ giá, và công nghệ tài chính là các biến số quan trọng với chính sách tiền tệ toàn cầu giai đoạn cuối 2025;
- Các ngân hàng trung ương lớn đang khá thận trọng và bắt đầu chuyển hướng sang chính sách nới lỏng/tăng tính linh hoạt để đối phó với các tín hiệu suy yếu về tăng trưởng và việc làm, song vẫn chú trọng kiểm soát lạm phát;
- Các nền kinh tế đang chuyển từ giai đoạn phục hồi về “tăng trưởng ổn định nhưng thấp”;
- Ngành sản xuất toàn cầu không rơi vào suy thoái rộng lớn, nhưng cũng chưa đạt được động lực mạnh mẽ.

THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUÝ III/2025

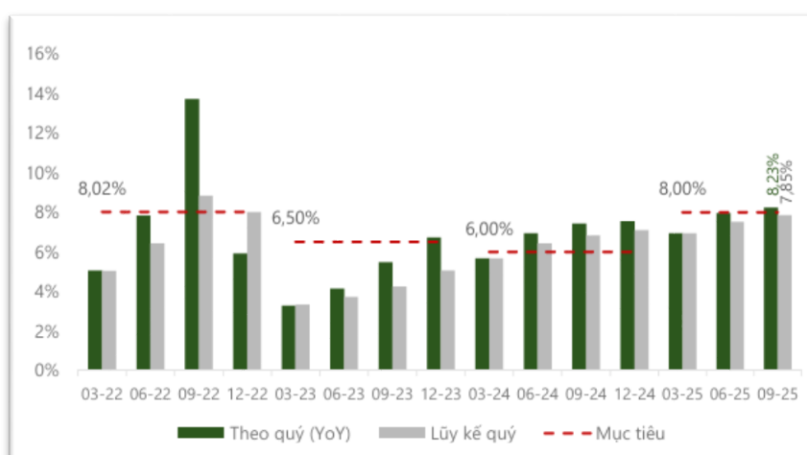
I. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP và Lạm phát

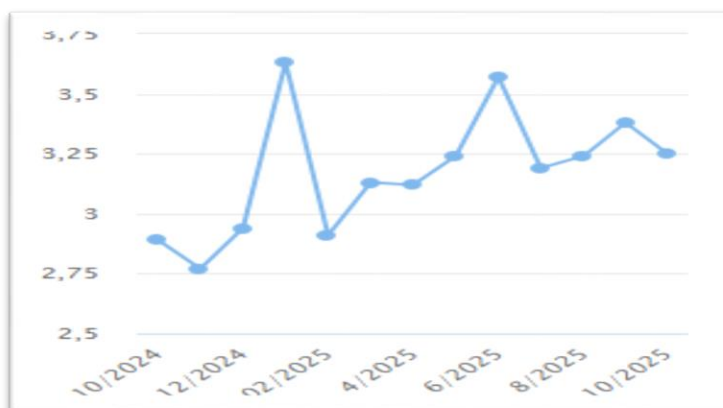
- Tăng trưởng GDP:** Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 ước tính tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, GDP tăng 7,85%. Động lực tăng trưởng chính đến từ khu vực Công nghiệp và Xây dựng (tăng 9,46%) và khu vực Dịch vụ (tăng 8,56%). Diễn biến này cho thấy nền kinh tế đang tăng trưởng đúng hướng với mục tiêu tăng trưởng 8% cho cả năm của Chính phủ.

GDP 9 tháng đạt cao nhất giai đoạn 2011-2025



- Lạm phát (CPI):** CPI bình quân 9 tháng năm 2025 tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lạm phát cơ bản tăng 3,19%. Các nhóm hàng chính gây tăng CPI là nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (tăng 6,14%) và hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 3,30%).

Chỉ số giá tiêu dùng 3 quý đầu năm 2025



- Lạm phát trong tháng 9 chủ yếu chịu tác động từ chi phí giáo dục gia tăng trong mùa tựu trường, cũng như tăng học phí của các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Nhìn chung, lạm phát vẫn nằm khá xa so với ngưỡng mục tiêu kiểm soát 4,5 – 5%.

Thương mại và Xuất nhập khẩu

- **Kim ngạch XNK:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa chín tháng năm 2025 đạt 680,66 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu đạt 348,74 tỷ USD (tăng 16,0%), trong đó khu vực FDI chiếm 75,5%. Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 9 tháng cán mốc 52,31 tỷ USD, tăng 14%.
- **Cán cân thương mại:** Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng xuất siêu 16,82 tỷ USD, trong đó cán cân thương mại dịch vụ nhập siêu 8,3 tỷ USD. Riêng trong tháng 9/2025, cán cân thương mại đạt 2,84 tỷ USD. Trong đó, các mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp nội địa như dệt may và gỗ đang có dấu phục hồi trở lại. Triển vọng hoạt động xuất nhập khẩu có chiều hướng tích cực khi nhu cầu đơn hàng tăng cao cho mùa cao điểm cuối năm.
- **Tình hình bán lẻ:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2025 tăng 9,5% so với cùng kỳ, cho thấy sức mua thực tế duy trì tích cực (loại trừ yếu tố giá tăng 7,2%).

Đầu tư

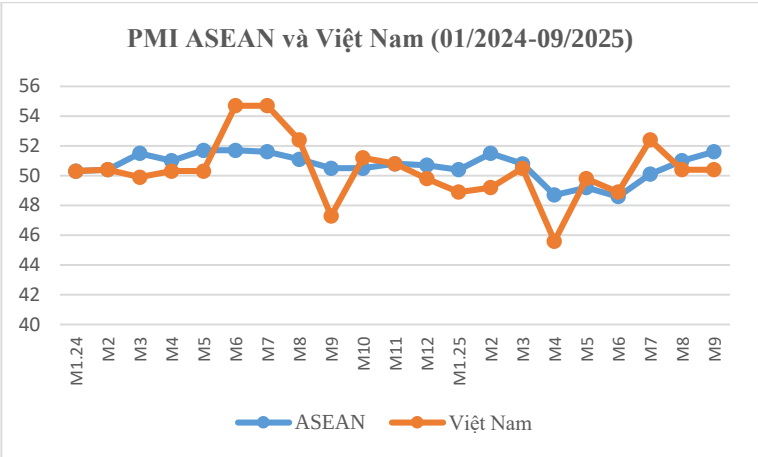
- **Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội:** 9 tháng năm 2025 đạt 2.701,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7,0% của cùng kỳ năm 2024.
- **Đầu tư công:** Vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 9 tháng ước đạt 550,1 nghìn tỷ đồng, tăng 27,9% so với cùng kỳ. Giải ngân vốn đầu tư công đạt 55,7% kế hoạch năm 2025, thấp hơn so với con số tối thiểu 60% kế hoạch mà Bộ Tài chính đề ra cho quý III. Mặc dù tốc độ giải ngân vốn đầu tư công sẽ tăng mạnh trong quý IV/2025.
- **Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):** Vốn thực hiện (giải ngân) 9 tháng năm 2025 ước đạt 18,80 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ và là mức cao nhất trong 5 năm qua. Vốn đăng ký mới và điều chỉnh đạt 28,54 tỷ USD, tăng 15,2%.

Tình hình sản xuất (qua chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI)

Chỉ số PMI liên tiếp được duy trì trên mức 50 điểm trong cả quý III/2025, cho thấy ngành sản xuất của Việt Nam đang duy trì đà cải thiện nhẹ. Động lực hỗ trợ sự cải thiện là sự gia tăng trở lại của số lượng đơn đặt hàng mới sau khi giảm nhẹ trong tháng trước. Dù mức tăng khiêm tốn, đây vẫn là tín hiệu tích cực cho thấy nhu cầu của khách hàng đang dần được cải thiện.

Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm, nhưng tốc độ giảm đã chậm lại đáng kể, xuống mức yếu nhất trong chuỗi 11 tháng giảm liên tiếp. Dù nhu cầu quốc tế được ghi nhận là vẫn ở mức thấp,

nhưng sự ổn định dần trong chính sách thuế quan của Mỹ được cho là đã hỗ trợ một số doanh nghiệp Việt Nam giành được các đơn hàng từ thị trường nước ngoài.



Phát triển doanh nghiệp

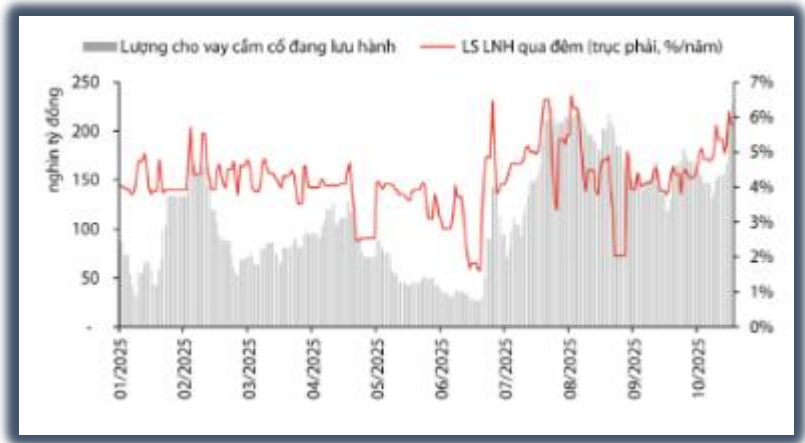
- Trong 9 tháng đầu năm 2025, có 145,0 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 18,9%. Tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động là 231,3 nghìn, tăng 26,4%.
- Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tạm ngừng kinh doanh, giải thể) là 174,9 nghìn, tăng 6,8% so với cùng kỳ.

2. Thị trường tiền tệ

Biến động lãi suất

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Lãi suất bình quân liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm tháng 9/2025 đạt 4,38%, tăng vọt so với mức 2,03% của tháng 8/2025. Đà tăng này chủ yếu ghi nhận vào tuần cuối tháng 9 do áp lực cân đối nguồn vốn cuối quý.

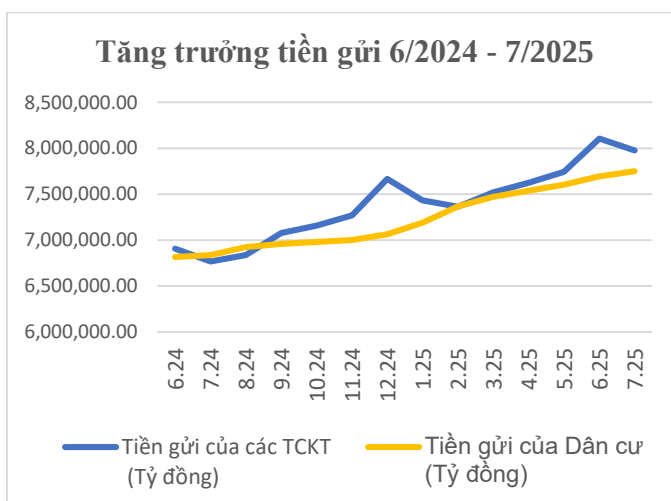
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm và quy mô cho vay cầm cố



- **Lãi suất huy động:** Lãi suất tiền gửi bình quân của NHTM trong nước đến tháng 9/2025 ở mức 0,1%-0,2%/năm với tiền gửi không kỳ hạn và dưới 01 tháng; dao động từ 3,4% -5,5%/năm với tiền gửi có kỳ hạn đến 12 tháng; từ 4,9%-6,1%/năm với tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng đến 24 tháng; với kỳ hạn trên 24 tháng dao động trong khoảng 6,7% - 7,5%/năm.
- **Lãi suất cho vay:** Lãi suất cho vay bình quân đối với các giao dịch phát sinh mới của các NHTM 9 tháng đầu năm ở mức 6,52%/năm, giảm 0,41%/năm so với cuối năm 2024. Lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ của NHTM trong nước dao động 6,5%-8,8%/năm (thời điểm tháng 8/2025). Lãi suất cho vay USD bình quân đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 4,0-4,5%/năm.

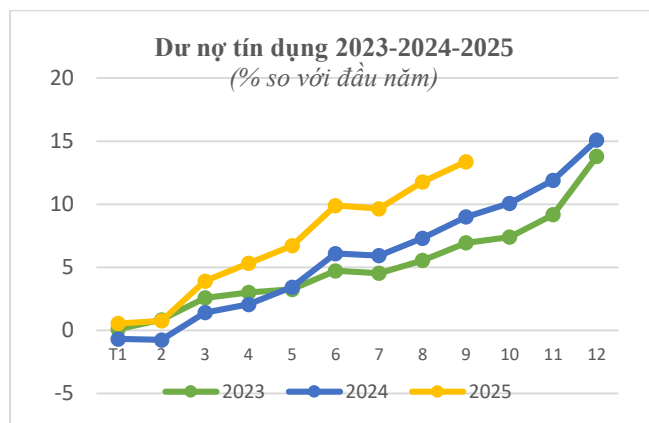
Tăng trưởng huy động vốn

- Đến thời điểm 25/9/2025, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng **9,74%** so với cuối năm 2024. Ước đến thời điểm hiện tại (giữa tháng 10/2025), tăng trưởng tiền gửi dân cư đạt khoảng 8 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 13% so với cùng kỳ.
- **Biến động CASA:** Tỷ lệ CASA (Tiền gửi không kỳ hạn/Tổng tiền gửi) toàn ngành giảm 2 điểm% so với quý trước xuống còn 18,8% trong quý I/2025, do các tổ chức kinh tế giảm tiền gửi đầu năm. Con số này trong quý II/2025 là 21,7%, tăng 1,8 điểm % so với đầu năm. Sự phân hóa rõ rệt vẫn diễn ra giữa các nhóm ngân hàng, với một số ngân hàng quốc doanh có tỷ lệ cao đến 26,1%. Sang quý III, một số ngân hàng lớn như Techcombank vẫn duy trì tỷ lệ CASA cao ở mức đến 42,5% (cuối tháng 9/2025), thuộc nhóm dẫn đầu ngành.



Tăng trưởng tín dụng

- **Tăng trưởng tín dụng:** Đến cuối tháng 9/2025, tín dụng nền kinh tế tăng 13,9% so với cuối năm 2024 và tăng 13,37% so cùng kỳ năm trước, cao hơn hẳn so với cùng kỳ các năm trước.



- **Cơ cấu tín dụng:** Trong 9 tháng đầu năm 2025, tỷ trọng tín dụng đối với 3 ngành kinh tế lần lượt là: nông, lâm, thủy sản chiếm 6,23%, công nghiệp - xây dựng chiếm 23,97%, thương mại - dịch vụ chiếm 69,8% (cùng kỳ năm 2024 lần lượt ở mức 6,84% - 25,65% - 67,51%).
- Vốn tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, trong đó khoảng 78% dư nợ nền kinh tế phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Tính đến giữa năm 2025, tỷ trọng cho vay vào Bất động sản và Xây dựng đã tăng lên 21,14%. Tăng trưởng tín dụng so với cuối 2024 của khu vực này đạt khoảng 19,36%.
- **Chất lượng tín dụng/Nợ xấu:** Tỷ lệ nợ xấu (NPL) toàn ngành tăng lên mức 2,04% (Quý II/2025). NPL đối với một số ngân hàng quy mô vừa và quốc doanh tăng do các khoản cho vay mua nhà cá nhân mang tính đầu cơ hoặc liên quan đến chủ đầu tư bất động sản gặp khó khăn.

Tình hình nợ xấu toàn ngành đang được cải thiện



- **Bộ đệm dự phòng:** Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) của ngành giảm từ 91% (2024) xuống còn 80% trong quý I/2025 và giảm nhẹ xuống 79,82% trong quý II. Sang quý III/2025, trong bối cảnh lợi nhuận tăng, chất lượng tài sản của toàn ngành cũng được dự báo cải thiện. Tỷ lệ nợ xấu có khả năng giảm xuống dưới 2% vào cuối quý III/2025, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR)

được giữ ở mức khoảng 80%. Đây là dấu hiệu cho thấy, đã có sự chủ động xử lý và trích lập dự phòng tại các ngân hàng, giúp cho hệ thống ngân hàng ổn định hơn trong bối cảnh nợ nhóm 2 từng gia tăng hồi đầu năm.

Tín dụng bất động sản:

- **Tính đến 31/8/2025, dư nợ tín dụng bất động sản khoảng 4,1 triệu tỷ đồng, tăng hơn 10%** so với cuối tháng 5/2025. Trong đó dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đạt hơn 1,81 triệu tỷ đồng.
- **Về cơ cấu:** Dư nợ tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển nhà ở đạt 614.737 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đối với các dự án văn phòng cho thuê đạt 61.946 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất đạt 114.274 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đối với các dự án khu du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng đạt 62.487 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đối với các dự án nhà hàng, khách sạn đạt 64.560 tỷ đồng.
- **Dư nợ tín dụng đối với cho vay xây dựng, sửa chữa nhà để bán, cho thuê** đạt 130.642 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đối với cho vay mua quyền sử dụng đất đạt 190.113 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đối với đầu tư kinh doanh bất động sản khác đạt 584.553 tỷ đồng.
- **Tín dụng bất động sản tăng trưởng tích cực trong quý III/2025 phản ánh sự phục hồi từng bước của thị trường**, đặc biệt khi nhiều dự án gặp vướng mắc pháp lý trước đây đang được tháo gỡ. Tuy nhiên, các chuyên gia đánh giá, trong bối cảnh thị trường còn nhiều rủi ro, việc kiểm soát dòng vốn vào bất động sản vẫn cần được thực hiện chặt chẽ nhằm tránh tình trạng bong bóng giá và bảo đảm hệ thống ngân hàng vận hành an toàn, lành mạnh.

Thanh toán qua ngân hàng:

Ngay từ đầu năm 2025, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 20/01/2025 về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng, yêu cầu các đơn vị thuộc NHNN, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chủ động triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong ngành Ngân hàng về vai trò, lợi ích của hoạt động chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh nhằm tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình cung ứng, thực hiện các hoạt động ngân hàng, trong đó đặc biệt chú trọng đến dịch vụ ngân hàng trên môi trường số; tăng cường hoạt động hiệu quả của Mạng lưới ứng cứu sự cố an ninh, an toàn thông tin mạng ngành Ngân hàng.

Từ cuối năm trước, NHNN đã ban hành các Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Một số chỉ số thanh toán không dùng tiền mặt

Hạng mục	Thời gian so sánh	Số lượng / Quy mô	Tăng / Giảm về số lượng (%)	Tăng / Giảm về giá trị (%)
Tổng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM)	9T/2025 so với 9T/2024	—	↑ 43,32%	↑ 24,23%
Internet Banking	9T/2025 so với 9T/2024	—	↑ 51,20%	↑ 37,17%
Mobile Banking	9T/2025 so với 9T/2024	—	↑ 37,37%	↑ 21,79%
QR Code	9T/2025 so với 9T/2024	—	↑ 61,63%	↑ 150,67%
Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS)	9T/2025 so với 9T/2024	—	↑ 4,56%	↑ 46,87%
Hệ thống chuyển mạch tài chính & bù trừ điện tử (NAPAS)	9T/2025 so với 9T/2024	—	↑ 19,14%	↑ 5,87%
Giao dịch qua ATM	9T/2025 so với 9T/2024	—	↓ 16,77%	↓ 5,74%
Số lượng máy ATM	Đến 9/2025	20.940 máy	↓ 0,83%	—
Số lượng máy POS	Đến 9/2025	≈ 831.400 máy	↑ 19,03%	—
Số lượng thẻ lưu hành	Đến 9/2025	160,3 triệu thẻ	↑ 2,61%	—
Tài khoản Mobile-Money	Đến 9/2025	10,89 triệu tài khoản (≈70% ở nông thôn, miền núi)	—	—
Giao dịch Mobile-Money	Đến 9/2025	290,43 triệu giao dịch (≈8.511 tỷ đồng)	—	—
Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT)	Đến 9/2025	53 tổ chức (49 ví điện tử)	—	—

Đồng thời, NHNN đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng, tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng. Nghị định được ban hành tạo điều kiện cho việc triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới thông qua ứng dụng giải pháp công nghệ tài chính (Fintech), góp phần hiện thực hóa mục tiêu phổ cập tài chính cho người dân và doanh nghiệp theo hướng minh bạch, thuận tiện, an toàn, hiệu quả với chi phí thấp. Đến 31/8/2025, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số

25/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Kết quả là trong ba quý đầu năm ghi nhận kết quả nổi bật trong chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng khi các kênh thanh toán trực tuyến tăng trưởng trên 40%. Chủ trương liên kết dữ liệu định danh công dân giúp nâng cao tính bảo mật trong giao dịch thanh toán qua ngân hàng và mở rộng tiện ích cho khách hàng.

Song hành với việc NHNN đẩy mạnh triển khai xây dựng khung pháp lý, triển khai cơ chế thử nghiệm (sandbox) để thử nghiệm các mô hình mới, gia tăng an ninh/an toàn thanh toán thì các TCTD cũng được thúc đẩy giảm chi phí hoạt động, hợp tác fintech để nâng cao hiệu quả dịch vụ. Qua đó, thanh toán điện tử tiếp tục mở rộng nhanh chóng về số lượng người dùng lẫn giá trị giao dịch, trở thành những trụ cột để các ngân hàng “giảm gánh nặng chi phí”, cải thiện năng lực cạnh tranh và hỗ trợ hạ mặt bằng lãi suất trong dài hạn.

Kết quả kinh doanh ngân hàng thương mại trong quý III và 9 tháng đầu năm 2025

Ngành Ngân hàng ghi nhận bức tranh phân hóa nhưng nhìn chung tích cực về lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2025, với nhiều ngân hàng đạt mức tăng trưởng cao. Lợi nhuận sau thuế của các ngân hàng niêm yết trong Quý III/2025 được dự báo sơ bộ tăng khoảng **21,5%** so với cùng kỳ, khả quan hơn so với 2 quý đầu năm.

- **Tăng trưởng bất phá:** Nhiều ngân hàng ghi nhận tăng trưởng LNTT 9 tháng ấn tượng nhờ nền thấp năm trước hoặc các hoạt động kinh doanh đột biến, bao gồm ABBank (gấp 9,7 lần), Kienlongbank (gấp 2 lần), SeABank (tăng 49,5%), VPBank (tăng 47,1%) và SHB (tăng 36%).
- **Chất lượng hoạt động cải thiện hơn:** Kết quả tăng trưởng lợi nhuận cho thấy dấu hiệu tích cực cho ngành khi không chỉ duy trì tăng trưởng mà còn “phá” qua bề mặt tăng trưởng thông thường (~10-20%) như nhiều năm trước; đặc biệt trong bối cảnh biên lãi ròng (NIM) vẫn còn bị thu hẹp. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng ghi nhận dư nợ tín dụng và huy động đều tăng – tín hiệu cho vay đang chất lượng hơn, một phần phản ánh hiệu quả từ số hóa và các chương trình thu hút vốn CASA từ mạng lưới số rộng lớn và tệp khách hàng được xem xét giải ngân phù hợp, điển hình như VPBank, Techcombank, ACB, Sacombank...
- **Chất lượng tài sản được duy trì:** Techcombank cải thiện tỷ lệ nợ xấu (NPL) từ 1,32% xuống 1,23% và duy trì Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLC) ở mức 119,1%. Ngược lại, MB chứng kiến nợ xấu tăng 38,4% so với đầu năm, nâng tỷ lệ NPL lên 1,87%.

Tăng trưởng lợi nhuận, tín dụng và huy động vốn ngân hàng 9 tháng đầu năm 2025

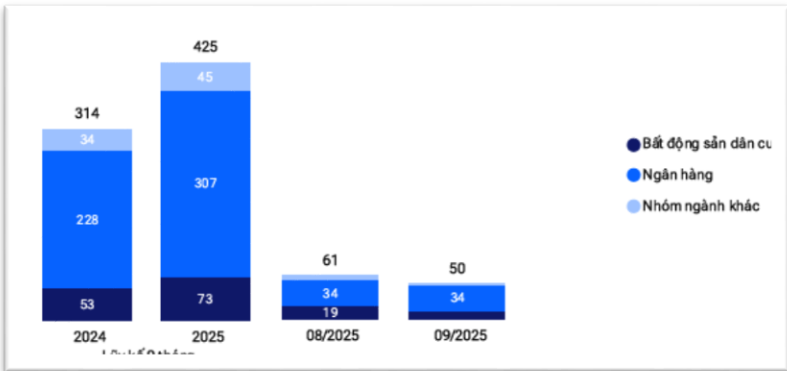
Ngân hàng	LNTT 9T/2025 (tỷ VND)	Tăng trưởng LNTT 9T so với cùng kỳ (%)	Tín dụng 9T/2025 (% so với đầu năm)	Huy động 9T/2025 (%,so với đầu năm)	NPL (%)
Techcombank (TCB)	23.400	+2.4	+16.8	+24.1	1.23
MB (MBB)	23.139	+11.6	+19.9	+10.3	1.87
VPBank (VPB)	20.396	+47.1	+28.4	+20.6	<3%
ACB (ACB)	16.072	+4.8	+15.2	+6.3	N/A
SHB (SHB)	12.307	+36	+15	+14	N/A
Sacombank (STB)	10.988	+36	+12.4	+13.1	N/A
LPBank (LPB)	9.612	+9	+17	+15	N/A
VIB (VIB)	7.040	+7	+15	+11	N/A
SeABank (SSB)	6.739	+49.5	+11.6	+6.5	1.95
OCB (OCB)	3.431	+34.4	+12.4	+14.3	N/A
ABBank (ABB)	2.300	+872	+9	+31	2.63
Kienlongbank (KLB)	1.537	+102	+15.4	+11.6	1.93
NamABank (NAB)	3.800	+16	+17.88	+20	2.53

* Tín dụng và Huy động là mức tăng trưởng so với đầu năm (YTD) hoặc cùng kỳ. NPL là tỷ lệ nợ xấu cuối Quý III/2025. Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tài chính Quý III/2025 của các ngân hàng.(NA: số liệu chưa cụ thể).

3. Thị trường trái phiếu

- Trái phiếu Chính phủ (TPCP):** Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, HNX đã huy động thành công 255.688 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 51,13% kế hoạch năm.

Lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo nhóm ngành



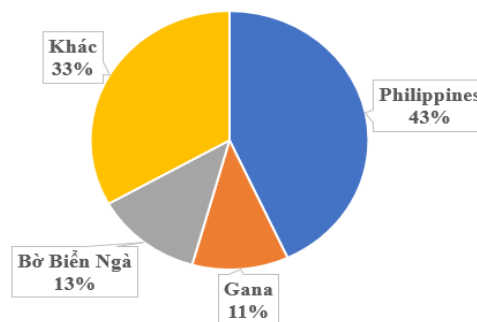
(Nguồn: VIS)

- **Trái phiếu Doanh nghiệp (TPDN):** Trong 9 tháng năm 2025, tổng giá trị TPDN bất động sản còn lưu hành ước đạt hơn 416.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 35% tổng dư nợ TPDN toàn thị trường (tính đến hết quý III/2025). Tổng giá trị TPDN sẽ đáo hạn trong quý IV/2025 là hơn 48.000 tỷ đồng. trái phiếu bất động sản đang cho thấy dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Riêng lĩnh vực bất động sản chiếm hơn 70.000 tỷ đồng, tương ứng 18% tổng giá trị phát hành, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu cho thấy niềm tin của nhà đầu tư đang dần quay trở lại. Ngoài việc phát hành mới, các doanh nghiệp bất động sản đẩy mạnh mua lại trái phiếu, với 43.000 tỷ đồng được mua lại trong 8 tháng đầu năm, tăng 47% so với cùng kỳ, thể hiện nỗ lực tái cơ cấu và thực hiện nghĩa vụ tài chính sau thời gian gia hạn theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP.

4. Thị trường hàng hóa

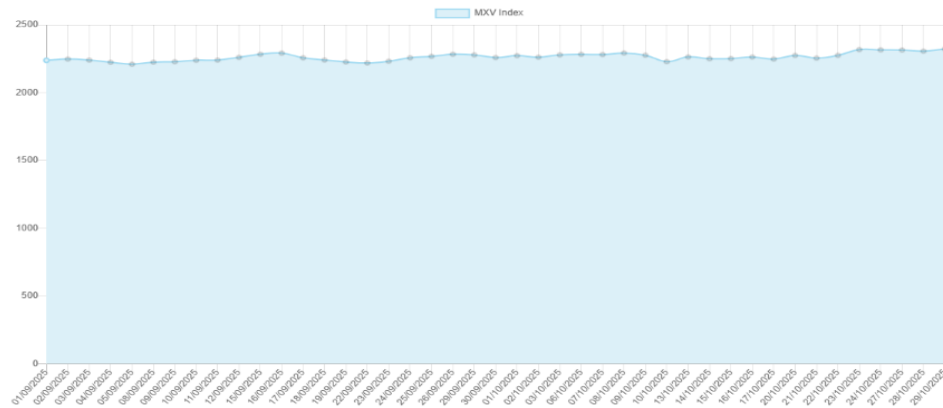
- **Thị trường nông sản & thủy sản:** Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 9 tháng đạt **52,31 tỷ USD**. Sản lượng thủy sản quý III/2025 ước đạt **2.710,9 nghìn tấn**, tăng 3,3%. Trong 9 tháng đầu năm, số cảnh báo từ EU với hàng hóa nông sản và thực phẩm xuất khẩu với Việt Nam đã giảm 50%.
- Trong 9 tháng, tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo đạt 7 triệu tấn và 3,55 tỷ USD, tăng 0,1% về khối lượng nhưng giảm 18,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng năm 2025 ước đạt 509 USD/tấn, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm 2024. Riêng tháng 9/2025, Việt Nam xuất khẩu 600 nghìn tấn gạo, thu về 288,4 triệu USD.

Thị phần của 3 khách hàng mua gạo Việt Nam nhiều nhất sau 9T/2025



- Xét về thị trường, Philippines tiếp tục là khách hàng lớn nhất của gạo Việt với hơn 2,9 triệu tấn gạo, trị giá hơn 1,4 tỷ USD, tuy nhiên giảm gần 9% về lượng và giảm mạnh 27% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu giảm tương ứng 20%, đạt bình quân 490 USD/tấn.
- **Chỉ số thị trường hàng hóa (MXV Index):** Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý III/2025 tăng **1,06%** so với quý trước và tăng **2,73%** so với cùng kỳ năm 2024.

MXV Index (01/09/2025-30/10/2025)



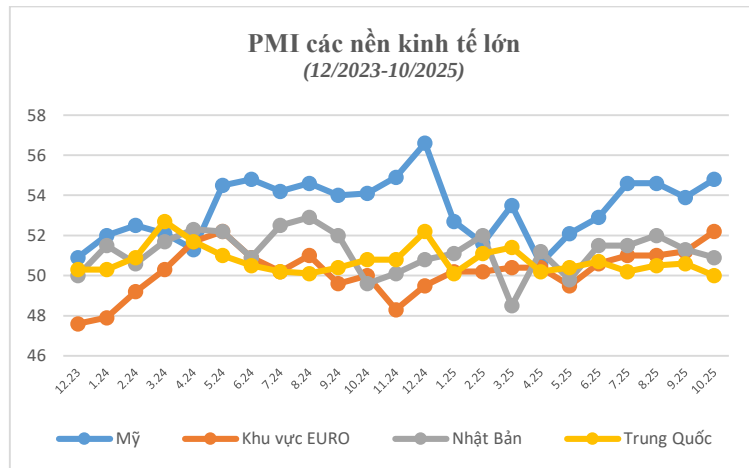
Kinh tế trong nước quý III/2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ (GDP 8,23%), với lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý. Điểm sáng nổi bật là sự hồi phục của hoạt động doanh nghiệp (số lượng thành lập mới tăng mạnh), tăng trưởng tín dụng cao (13,9% so với đầu năm), và kết quả kinh doanh tích cực của các NHTM. Tuy nhiên, áp lực về nguồn vốn vẫn hiện hữu khi Tỷ lệ giữa cho vay và huy động của Ngành tăng lên mức cao nhất trong 5 năm (108,5% tại Quý I/2025), và thị trường trái phiếu doanh nghiệp đối diện với áp lực đáo hạn lớn trong quý IV/2025.

II. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

- **Dự báo tăng trưởng:** Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 lên 3,% (trong báo cáo tháng 7/2025), sau khi đã hạ xuống 2,8% vào tháng 4/2025.
- **Tình hình thương mại:** Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cảnh báo căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có thể làm giảm 7% sản lượng kinh tế toàn cầu. Hầu hết các nền kinh tế đều đang phải điều chỉnh để thích ứng với xu hướng gia tăng bảo hộ và phân mảnh kinh tế và thương mại thế giới.
- **Tình hình sản xuất kinh doanh**

Diễn biến chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI của S&P Global) trong 9 tháng đầu năm cho thấy ngành sản xuất toàn cầu **không rơi vào suy thoái** rộng lớn, nhưng cũng **chưa đạt được động lực mạnh mẽ** để tạo cú hích lớn. Áp lực chi phí đầu vào và giá đầu ra có xu hướng giảm: giá sản xuất tăng ở mức thấp nhất kể từ đầu năm.



Các nền kinh tế đang chuyển từ giai đoạn phục hồi về “tăng trưởng ổn định nhưng thấp”. Điều này nghĩa là: các doanh nghiệp sản xuất cần chủ động hơn trong quản lý chi phí, đầu tư vào năng suất, và tìm thị trường xuất khẩu thay thế. Với bối cảnh cầu toàn cầu chưa mạnh, các thị trường đang nổi như Ấn Độ và một số nước ASEAN có thể là “điểm sáng” tiềm năng — đồng thời cũng là nơi có rủi ro về biến động chuỗi cung ứng.

Giai đoạn cuối năm 2025 và đầu 2026 nhiều khả năng xu thế này lại chững lại hoặc phục hồi chậm hơn trong sản xuất toàn cầu nếu không có đợt tăng cầu mới hoặc chính sách hỗ trợ đáng kể.

2. Thị trường tài chính thế giới

- Chính sách tiền tệ các ngân hàng trung ương lớn: Dữ liệu lạm phát mới nhất đang mở đường cho Fed tiếp tục giảm lãi suất. Fed đã giảm lãi suất điều hành xuống 4%-4,25% vào ngày 17/9/2025 và sẽ tiếp tục xu thế cắt giảm trong các phiên họp chính sách cuối năm (tháng 10 và tháng 12/2025). Trong khi đó, các ngân hàng trung ương lớn đang khá thận trọng và bắt đầu chuyển hướng sang chính sách nói lỏng/tăng tính linh hoạt để đối phó với các tín hiệu suy yếu về tăng trưởng và lao động, song vẫn chú trọng kiểm soát lạm phát. ECB, BoE gần như giữ nguyên hoặc giảm nhẹ lãi suất kỳ vọng; BOJ sẵn sàng xem xét tăng lãi suất lần đầu sau nhiều năm; Còn PBoC duy trì nói lỏng nhằm hỗ trợ nội lực kinh tế.
- Yếu tố bất ổn địa chính trị, biến động tỷ giá, và công nghệ tài chính mới là các biến số quan trọng với chính sách tiền tệ toàn cầu giai đoạn cuối 2025.
- Biến động thị trường: Tỷ giá đô la Mỹ (DXY) giảm khoảng 0,70% so với đầu năm do Fed định hướng nói lỏng tiền tệ. Đặc biệt, giá vàng biến động mạnh và liên tục tăng (khoảng gần 57% so với đầu năm) càng khiến thị trường tài chính trở nên bất ổn.

3. Thị trường hàng hóa thế giới

- **Giá vàng:** Giá vàng thế giới đã liên tục tăng trong suốt quý III/2025. Tính đến 29/9/2025, bình quân giá vàng thế giới ở gần mức 3.850 USD/ounce, tăng 7,90% so với tháng trước và tăng rất mạnh so với mức đầu năm (trên 2600 USD/oz, gần 57%) do Fed định hướng giảm lãi suất và rủi ro địa chính trị và kinh tế gia tăng.

Biến động giá năng lượng và kim loại quý 3 tháng đầu năm

Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% từ đầu năm	+/_% năm
Dầu thô USD/Bbl	61.500	7.61%	-5.36%	-14.25%	-14.32%
Khí ga USD/MMBtu	3.3040	9.84%	3.41%	-9.06%	6.86%
Xăng USD/Gal	1.9170	4.63%	-4.26%	-4.74%	-7.93%
Than USD/T	104.10	0.63%	-0.90%	-16.89%	-28.65%
Kim loại quý					
Vàng USD/t.oz	4111.89	-3.25%	9.66%	56.68%	49.65%
Bạc USD/t.oz	48.590	-6.45%	7.48%	68.25%	44.19%
Lithium CNY/T	75400	2.79%	2.24%	0.47%	5.45%
Platin SD/t.oz	1581.50	-1.63%	3.32%	76.90%	53.96%

- **Giá hàng hóa toàn cầu sang năm 2026 dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong vòng sáu năm**, đánh dấu năm giảm thứ tư liên tiếp (*theo báo cáo mới nhất của WB*). Giá cả được dự báo sẽ giảm 7% trong cả năm 2025 và 2026, do tăng trưởng kinh tế toàn cầu yếu kém, thặng dư dầu mỏ ngày càng tăng và bất ổn chính sách dai dẳng và căng thẳng địa chính trị liên miên.
- **Giá năng lượng giảm đang giúp giảm lạm phát toàn cầu**, trong khi giá gạo và lúa mì thấp hơn đã giúp thực phẩm trở nên dễ mua hơn ở một số nước đang phát triển. Tuy nhiên, bất chấp những đợt giảm giá gần đây, giá hàng hóa vẫn cao hơn mức trước đại dịch, với giá cả trong năm 2025 và 2026 dự kiến sẽ cao hơn lần lượt 23% và 14% so với năm 2019.

Biến động giá nông sản 3 quý đầu năm 2025

Nông sản	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% từ đầu năm	+/_% năm trước
Sữa USD/CWT	16.89	-0.53%	-3.76%	-9.73%	-25.69%
Cao su S Cents/Kg	173.70	1.40%	0.17%	-12.01%	-10.69%
Coffee USD/Lbs	400.05	0.65%	7.73%	24.82%	61.57%
Bông USD/Lbs	64.177	-0.16%	0.65%	-6.13%	-9.19%
Gạo USD/cwt	10.1150	-4.76%	-11.04%	-27.88%	-32.92%
Đường USD/Lbs	14.97	-3.42%	-8.05%	-22.40%	-32.26%
Chè INR/Kgs	197.41	2.92%	4.47%	16.08%	-16.08%
Ngô USD/BU	424.0000	0.36%	-0.41%	-7.52%	2.11%

Kinh tế thế giới có dấu hiệu hồi phục nhẹ về dự báo tăng trưởng, nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro lớn từ căng thẳng thương mại Mỹ-Trung và xu hướng bảo hộ. Fed đang trong lộ trình nới lỏng chính sách tiền tệ. Thị trường hàng hóa cơ bản, bao gồm vàng và dầu, cho thấy sự biến động mạnh và áp lực giảm giá vào cuối quý III/đầu quý IV.

III. Nhận định chung

Nền kinh tế Việt Nam 9 tháng đầu năm 2025 đã chứng tỏ khả năng phục hồi ấn tượng với tăng trưởng GDP cao (7,85%) và lạm phát được kiểm soát. Động lực chính đến từ sự hồi sinh của sản xuất, đầu tư FDI kỷ lục, và sự sôi động của thị trường nội địa.

Hệ thống ngân hàng đóng góp tích cực vào tăng trưởng tín dụng và ghi nhận lợi nhuận khả quan trên diện rộng. Tuy nhiên, cần quan tâm áp lực thanh khoản của hệ thống ngân hàng (thể hiện qua LDR và lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh cuối quý) và rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời kiên định giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô trước những bất ổn địa chính trị và thương mại toàn cầu.

Ghi chú: Trong tài liệu có sử dụng thông tin, số liệu từ các nguồn: sbv, mof, moc, nso, Fiingroup, WiChart, VIS và một số nguồn tin cậy khác.